

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 44/2022/DS-ST

Ngày: 26/10/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Bà Cao Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2022 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXX- DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: Ấp BP 2, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị V, sinh năm: 1958; địa chỉ: Lô 4C3, KDC khóm BĐ 1, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền số 905 ngày 22/02/2022 và văn bản ủy quyền ngày 25/10/2022 của Văn phòng Công chứng NTQc; địa chỉ: Ấp HP 3, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 23, ấp HL 3, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang; địa chỉ cư trú hiện tại: Tổ 01, ấp TT, xã NT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, có mặt bà V, ông P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2021 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Trần Thị C và người đại diện theo ủy quyền cho bà C là bà Phan Thị V trình bày:

Ông Lê Thanh P là người đăng ký hộ khẩu tại thị trấn AC, huyện CT gần nhà bà Trần Thị C, nên hai người quen biết nhau.

Vào ngày 28/6/2021 nhằm ngày 19/5al/2021 ông P nói cần tiền để đáo hạn Ngân hàng, nên hỏi vay bà C số tiền 1.400.000.000 đồng, thấy ông P là người có uy tín, nên bà C cho ông P vay số tiền trên. Khi vay hai bên có làm giấy tay và thỏa thuận riêng mức lãi suất 2% tháng và hẹn sau khi vay lại sẽ trả vốn + lãi cho bà C.

Tuy nhiên, sau đó không biết nguyên nhân như thế nào ông P không vay được tiền rồi mới hẹn lại là sang nhượng đất tại thị trấn AC, huyện CT trả cho bà C, nhưng từ đó đến nay ông P không sang nhượng đất và không trả tiền cho bà C, nhiều lần bà C đòi thì ông P cứ hứa hẹn mà không trả.

Nay bà C yêu cầu ông P phải trả ngay số tiền trên cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ thời gian vay đến khi xét xử.

Bị đơn ông Lê Thanh P trình bày:

Thừa nhận, ông với bà C quen biết nhau do nhà cùng xóm. Vào tháng 5al/2021 (không nhớ ngày), ông thiếu vốn mua bán đồ hải sản nên có hỏi vay tiền của bà C, nhưng chỉ vay 100.000.000 đồng. Khi vay bà C có đưa ông 01 quyển tập học sinh và kêu ông ký tên, ghi họ tên của ông vào phần cuối của trang giấy đó; đồng thời bà C nói để bà điền thông tin sau vào tờ giấy mà ông ký tên. Tin lời, nên ông ký vào.

Sau đó, ông có trả lãi cho bà C mỗi ngày 500.000 đồng, trả lãi đến hơn 02 tháng thì dịch bệnh covid – 19 bùng phát ông mới ngưng, thì bà C đòi xiết, nhưng ông không có khả năng trả nên kéo dài đến nay.

Ông thừa nhận chữ ký và họ tên Lê Thanh P trong “Biên nhận nợ” ngày 19/5al/2021 là của ông, nhưng nội dung bên trên là do ai ghi thì ông không biết và ông không thừa nhận số tiền 1.400.000.000 đồng, ông chỉ đồng ý trả cho bà C 100.000.000 đồng nhưng với phương thức mỗi mùa lúa 20.000.000 đồng hoặc trả hàng tháng 5.000.000 đồng, đến khi dứt nợ cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Giai đoạn hòa giải, hai bên thống nhất chữ ký và họ tên trong biên nhận ngày 19/5al/2021 là của ông Lê Thanh P, số tiền vay không liên quan đến người thứ ba, yêu cầu không tiến hành đối chất, nhưng không thống nhất tiền vốn vay, tiền lãi đã trả. Theo đó, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn cho rằng vốn vay là 1.400.000.000 đồng và yêu cầu trả ngay cùng với lãi suất theo quy định, còn ông P chỉ thừa nhận nợ 100.000.000 đồng và xin trả dần.

Tại phiên tòa, hai bên bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông P thừa nhận có vay tiền của bà C, khi vay có ký biên nhận ngày 19/5al/2021 nhằm ngày 28/6/2021, theo nội dung biên nhận thì thể hiện vốn

vay 1.400.000.000 đồng, nhưng ông P khai chỉ vay 100.000.000 đồng và có trả lãi cho bà C trong hơn 02 tháng, nhưng không được bà Cúc thừa nhận và ông P cũng không có cơ sở gì khác chứng minh, nên khai nại của ông P không có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Xét lời khai giữa hai bên có mâu thuẫn nhau tiền vốn vay, Thẩm phán cần thiết ban hành Quyết định đối chất, nhưng hai bên thống nhất yêu cầu không tiến hành đối chất, nên Thẩm phán ghi nhận ý kiến giữa hai bên. Bà C là nguyên đơn ủy quyền cho bà Phan Thị V, ủy quyền đã được công chứng phù hợp với pháp luật, nên được chấp nhận.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông P vay, nhưng ông P không trả, căn cứ vào đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - thẩm quyền: Thời gian cho vay là ngày 28/6/2021, nhưng ông P hẹn nhiều lần mà không trả, nên ngày 31/12/2021 bà C khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự; ông P tuy đăng ký hộ khẩu tại thị trấn AC, huyện CT, nhưng hiện tại ông có nhà ở và sinh sống tại ấp TT, xã NT, huyện TT, nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận vay trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp. Tuy nhiên, về vốn vay và lãi suất hai bên không thống nhất nhau, theo đó từng nội dung HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Về vốn vay:

Ông P thừa nhận *chữ ký* và họ tên *Lê Thanh P* trong biên nhận ngày 19/5a/2021, chính do ông ký và ghi họ tên. Theo nội dung của biên nhận này thể hiện số tiền vay là *1.400.000.000 đồng* và ghi bằng chữ “*Một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn*”, như vậy ông P phải có nghĩa vụ đối với số tiền 1.400.000.000 đồng như trong biên nhận mà ông đã ký.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ông P phải trả số tiền 1.400.000.000 đồng, nên được chấp nhận.

Ông P cho rằng: *Khi vay bà C có đưa ông 01 đôi giấy tập học sinh và kêu ông ký tên, ghi họ tên của ông vào phần cuối của trang giấy đó; đồng thời bà C nói để bà điền thông tin sau vào tờ giấy mà ông ký tên. Tin lời, nên ông ký vào.... Việc ghi số tiền 1.400.000.000 đồng là ông không biết, nhưng ông không có cơ sở gì chứng minh bà C đã ghi nội dung số tiền 1.400.000.000 đồng sau khi ông ký biên nhận, ông cũng không có cơ sở gì khác chứng minh bà C có hành vi lừa dối hay đe dọa đối với ông*

về việc ký biên nhận như đã nêu. Do đó, khai nại này của ông là không có cơ sở chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất:

Ông P khai: Có trả lãi cho bà C mỗi ngày 500.000 đồng, được hơn 02 tháng thì dịch bệnh covid – 19 bùng phát ông mới ngưng, nhưng theo ông thì việc trả lãi chỉ giao qua tay, không làm biên nhận cũng không người chứng kiến và bà C không thừa nhận có nhận tiền lãi của ông, nên khai nại này của ông cũng không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

Như vậy, thời gian ông P vay tiền của bà C là ngày 19/5a/2021 nhằm ngày 28/6/2021, đến nay 26/10/2022 bằng 15 tháng 28 ngày. Lãi suất theo quy định của pháp luật hiện nay bằng 20%/năm.

Cụ thể: $1.400.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times (15/12)/\text{năm} + 1.400.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times (28/30/12)/\text{năm} = 371.777.500 \text{ đồng}$

Tổng vốn + lãi, ông P phải trả cho bà C là: $1.400.000.000 \text{ đồng} + 371.777.500 \text{ đồng} = 1.771.777.500 \text{ đồng}$.

Về thời gian thanh toán:

Tại phiên tòa, ông P xin trả dần mỗi mùa lúa 20.000.000 đồng hoặc trả hàng tháng 5.000.000 đồng, đến khi dứt nợ nhưng không được đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đồng ý, nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận mà giải thích cho ông P biết: HĐXX chỉ xác định nghĩa vụ trả nợ còn thời gian trả như thế nào sẽ được xem xét tại giai đoạn Thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

- Riêng ông P phải chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ của ông trả cho bà C 1.771.777.500 đồng, theo quy định tại các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Trần Thị C

Buộc ông Lê Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị C 1.771.777.500 đồng (*Một tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*)

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí:

- Ông Lê Thanh P phải chịu 65.153.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện CT hoàn trả cho bà Trần Thị C 27.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0002891 ngày 15/02/2022.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/10/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ